

Mã số mẫu/ Sample code BN412508.00563 MM412508.005631	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày / Date: 15/08/2025
---	---	---

Tên khách hàng/ Customer : **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX THƯỜNG MẠI TP. HCM - CO.OPMART LA GI**

Địa chỉ/ Address : **ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, PHƯỜNG LA GI, TỈNH LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM**

Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ - HỒ GA LẤY MẪU**

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bình nhựa.
Tham khảo QCVN 14/2008/BTNMT (Cột A, K=1,0)

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/08/2025

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 14/08/2025

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
1	pH	-	6,52	5 - 9	SMEWW 4500H+.B:2017
2	BOD ₅	mg/L	7,11	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6001-1:2021 (ISO 5815-1:2019)
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	< MQL = 6,0 (5,40)	50 ^{(1),(2)}	TCVN 6625:2000 (*)
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	471	500 ^{(1),(2)}	SMEWW 2540 C:2023
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	1 ^{(1),(2)}	SMEWW 4500-S2- B&D:2017
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	30,1	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6180:1996
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	< MQL = 12 (4,2)	10 ^{(1),(2)}	US EPA Method 1664

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[📞] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CÁN THỜ
[📍] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[📞] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	Không phát hiện MDL = 0,02	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6622-1:2009 (ISO 7875-1:1996)
10	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	1,62	6 ^{(1),(2)}	TCVN 6202:2008 (*)
11	Coliforms	MPN/100mL	$2,6 \times 10^3$	3000	SMEWW 9221B:2017 (*)

(Δ) Theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A)/ According to QCVN 14:2008/BTNMT (column A).

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

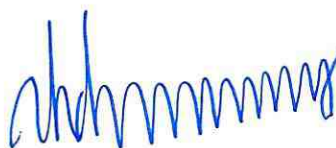
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

(1) Giá trị tối đa: giá trị này x K/ Maximum value: this value x K.

(2) K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ; cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3/ K is the coefficient corresponding to type of service facilities, public facilities, apartment buildings, specified in session 2.3.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S. Nguyễn Thành Duy

**KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



Nguyễn Hoàng Nhiên

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmientrung@case.vn

Mã số mẫu/ Sample code BN412508.00563 MM412508.005631	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày / Date: 15/08/2025
---	---	---

Tên khách hàng/ Customer

: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX THƯƠNG MẠI TP. HCM - CO.OPMART LA GI

Địa chỉ/ Address

: ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, PHƯỜNG LA GI, TỈNH LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ - HỒ GA LẤY MẪU

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu đựng trong bình nhựa.
Tham khảo QCVN 14/2008/BTNMT (Cột A, K=1,0)

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 07/08/2025

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 14/08/2025

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(A)	Phương pháp/ Test method
1	pH	-	6,52	5 - 9	SMEWW 4500H+.B:2017
2	BOD ₅	mg/L	7,11	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6001-1:2021 (ISO 5815-1:2019)
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	< MQL = 6,0 (5,40)	50 ^{(1),(2)}	TCVN 6625:2000 (*)
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	471	500 ^{(1),(2)}	SMEWW 2540 C:2023
5	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	1 ^{(1),(2)}	SMEWW 4500-S2-B&D:2017
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	30,1	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6180:1996
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	< MQL = 12 (4,2)	10 ^{(1),(2)}	US EPA Method 1664

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
(☎) 18001105
(☎) (84.28) 3911 7216
(☎) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(☎) F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918217 - 3918 218
(☎) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
(☎) case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 246 5255
(☎) (84.258) 246 5355
(☎) vanphongmienTrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	Không phát hiện MDL = 0,02	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6622-1:2009 (ISO 7875-1:1996)
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	1,62	6 ^{(1),(2)}	TCVN 6202:2008 (*)
11	Coliforms	MPN/100mL	2,6x10 ³	3000	SMEWW 9221B:2017 (*)

(Δ) Theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A)/ According to QCVN 14:2008/BTNMT (column A).

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

(1) Giá trị tối đa: giá trị này x K/ Maximum value: this value x K.

(2) K là hệ số tính tối quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3/ K is the coefficient corresponding to type of service facilities, public facilities, apartment buildings, specified in session 2.3.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



Nguyễn Hoàng Nhiên

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1. TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketuocanthon@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmienntrung@case.vn

Mã số mẫu/ Sample code BN412508.00563 MM412508.005631	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày / Date: 15/08/2025
---	---	---

Tên khách hàng/ Customer : CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX THƯƠNG MẠI TP. HCM - CO.OPMART LA GI

Địa chỉ/ Address : ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, PHƯỜNG LA GI, TỈNH LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ - HỒ GA LẤY MẪU

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bình nhựa.
Tham khảo QCVN 14/2008/BTNMT (Cột A, K=1,0)

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/08/2025

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 14/08/2025

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
1	pH	-	6,52	5 - 9	SMEWW 4500H+.B:2017
2	BOD ₅	mg/L	7,11	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6001-1:2021 (ISO 5815-1:2019)
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	< MQL = 6,0 (5,40)	50 ^{(1),(2)}	TCVN 6625:2000 (*)
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	471	500 ^{(1),(2)}	SMEWW 2540 C:2023
5	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	1 ^{(1),(2)}	SMEWW 4500-S2- B&D:2017
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	30,1	30 ^{(1),(2)}	TCVN 6180:1996
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	< MQL = 12 (4,2)	10 ^{(1),(2)}	US EPA Method 1664

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thù, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	Không phát hiện MDL = 0,02	5 ^{(1),(2)}	TCVN 6622-1:2009 (ISO 7875-1:1996)
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	1,62	6 ^{(1),(2)}	TCVN 6202:2008 (*)
11	Coliforms	MPN/100mL	2,6x10 ³	3000	SMEWW 9221B:2017 (*)

(Δ) Theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A)/ According to QCVN 14:2008/BTNMT (column A).

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

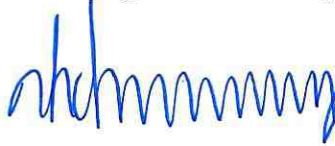
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

(1) Giá trị tối đa: giá trị này x K/ Maximum value: this value x K.

(2) K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3/ K is the coefficient corresponding to type of service facilities, public facilities, apartment buildings, specified in session 2.3.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Nguyễn Thành Duyệt

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



Nguyễn Hoàng Nhiên

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketuocanthon@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmienTrung@case.vn